

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG HÌNH
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/DS-ST
Ngày: 13/3/2025
“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HÌNH, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử (HĐXX) sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bàn Thị Tiên;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hồng Thái và bà Trần Thị Thuý.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nghi, Thư ký Tòa án nhân dân (TAND) huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hình tham gia phiên tòa:
Bà Bàn Thị Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở TAND huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXX-ST ngày 12/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-DS ngày 27/02/2025 của TAND huyện Sông Hình, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C; địa chỉ liên hệ: 08 Tr, thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên. *Người đại diện theo uỷ quyền:* Ông Huỳnh Ngọc A – Giám đốc Phòng giao dịch S của Ngân hàng C (văn bản số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019). Ông Huỳnh Ngọc A uỷ quyền lại cho ông Đinh Xuân H – Phó giám đốc Phòng giao dịch (văn bản uỷ quyền số 104/QĐ-NHCS ngày 14/10/2024). Ông H có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích N sinh năm 1973, ông Lê Văn S sinh năm 1970 và ông Lê Tấn T sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn Ch, xã Đ, huyện S, tỉnh Phú Yên; nơi làm việc hiện tại của bà Nguyễn Thị Bích N: Nhà nghỉ M đường Tr, xã B, Tp T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2024, tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn Ngân hàng C (sau đây gọi tắt là nguyên đơn) trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Bích N, ông Lê Văn S và anh Lê Tấn T (gọi tắt là bị đơn) có vay nguyên đơn các món vay như sau:

Món vay chương trình hộ cận nghèo có mã món vay 6600000714681437, số tiền giải ngân 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), lãi suất 7,92%/năm, thời hạn vay 36 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/ lần, giải ngân ngày 13/3/2019, hạn cuối cùng trả nợ ngày 11/3/2022, đã gia hạn nợ, ngày đến hạn trả nợ 11/9/2023. Từ ngày vay đến ngày 04/01/2021, bị đơn đã trả lãi là 5.755.795đ. Sau đó bị đơn không tiếp tục trả lãi và nợ gốc đến hạn nên món nợ chuyển quá hạn, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

Món vay chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn có mã món vay 6600000710074206, số tiền giải ngân 12.000.000đ (mười hai triệu đồng), lãi suất 0,75%/tháng, thời hạn vay 60 tháng, kỳ hạn trả nợ 6 tháng/ lần, giải ngân ngày 18/4/2017, hạn cuối cùng trả nợ ngày 11/4/2022, đã gia hạn nợ, ngày đến hạn trả nợ 11/10/2024. Từ ngày vay đến ngày 21/11/2020, bị đơn đã trả lãi là 4.198.685đ. Sau đó bị đơn không tiếp tục trả lãi và nợ gốc đến hạn nên món nợ chuyển quá hạn, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 13/3/2025 của hai món vay là 65.261.833đ (trong đó gốc 52.000.000đ, lãi trong hạn 11.749.721đ, lãi quá hạn 1.512.112đ) và tiền lãi phát sinh tiếp theo thỏa thuận tại món vay 6600000714681437 (chương trình hộ cận nghèo) và 6600000710074206 (chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn) kể từ ngày 14/3/2025 đến khi trả hết nợ.

* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Thị Bích N trình bày: Gia đình bà có nợ Ngân hàng C các khoản nợ như trình bày của nguyên đơn, bị đơn Lê Văn S và Lê Tấn T không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa,

Đại diện nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia phiên tòa và phiên tòa diễn ra đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đối với bị đơn nhưng không đến Tòa để giải quyết vụ án. Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 463, 466 BLDS chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tổng số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 13/3/2025 là 65.261.833đ (trong đó nợ gốc 52.000.000đ, lãi trong hạn 11.749.721đ, lãi quá hạn 1.512.112đ) và tiền lãi phát sinh tiếp theo thỏa thuận tại món vay 6600000714681437 (chương trình hộ cận nghèo) và 6600000710074206 (chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn) kể từ ngày 14/3/2025 đến khi trả hết nợ. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có địa chỉ cư trú tại: xã Đức Bình Đông, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên trả nợ tiền vay là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết

của TAND huyện Sông Hình theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn đã được Tòa án niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay và lãi tính đến ngày 13/3/2025 theo mã món vay 6600000714681437 (chương trình hộ cận nghèo) và 6600000710074206 (chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn) là 65.261.833đ (trong đó gốc 52.000.000đ, lãi trong hạn 11.749.721đ, lãi quá hạn 1.512.112đ), và tiền lãi phát sinh tiếp theo thỏa thuận tại các món vay 6600000714681437 (chương trình hộ cận nghèo) và 6600000710074206 (chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn) kể từ ngày 14/3/2025 đến khi trả hết nợ.

Xét Sổ vay vốn, Giấy đề nghị kiểm phương án sử dụng vốn vay ngày 30/3/2017 và ngày 03/3/2019 được bị đơn ký kết hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm không trái đạo đức xã hội. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nữ thừa nhận hộ gia đình bà có nợ nguyên đơn các khoản như đại diện nguyên đơn trình bày. Đồng thời, căn cứ Sổ lưu từ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ có mã món vay 6600000714681437 (chương trình hộ cận nghèo) và 6600000710074206 (chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn), Giấy ủy quyền hộ gia đình ngày 30/3/2017 có cơ sở kết luận bị đơn vay nguyên đơn số tiền gốc 52.000.000đ và nợ tiền lãi trong hạn 11.749.721đ, lãi quá hạn 1.512.112đ là đúng sự thật.

Từ những căn cứ trên, HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 13/3/2025 là 65.261.833đ (trong đó gốc 52.000.000đ, lãi trong hạn 11.749.721đ, lãi quá hạn 1.512.112đ) và tiền lãi phát sinh tiếp theo thỏa thuận tại các món vay 6600000714681437 (chương trình hộ cận nghèo) và 6600000710074206 (chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn) kể từ ngày 14/3/2025 đến khi trả hết nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 288, Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

[3] Về án phí: Bị đơn phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.263.000 đồng (ba triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn đồng) theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 288, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Án lệ số 08/2016/AL.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N, ông Lê Văn S và ông Lê Tấn T có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng C số tiền vay tổng cộng là 65.261.833 đồng (sau mười lăm triệu hai trăm sáu mươi một nghìn tám trăm ba mươi ba đồng). Trong đó, nợ gốc 52.000.000 đồng, lãi trong hạn 11.749.833 đồng, lãi quá hạn 1.512.112 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N, ông Lê Văn S và ông Lê Tấn T liên đới chịu 3.263.000 đồng (ba triệu hai trăm sáu mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Sông Hinh;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS huyện Sông Hinh;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

BÀN THỊ TIỀN

